

Số: 259/BC-THAD

Anh Dũng, ngày 16 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Thường niên năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 893/GD&ĐT, ngày 23/9/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Dương Kinh hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024, trường Tiểu học Anh Dũng báo cáo thường niên năm học 2023-2024 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trước năm 1996 là trường phổ thông cơ sở Anh Dũng, năm 1996 được chia tách thành trường TH Anh Dũng;

Nhà trường liên tục được tặng giấy khen Tập thể lao động tiên tiến, nhiều năm đạt tập thể tiên tiến xuất sắc.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đỗ Thị Thanh Số điện thoại: 097 633 2693

Thư điện tử: thanhson@gmail.com

Tổ chức bộ máy:

Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số: /QĐ-UB ngày 24/8/1996 của UBND huyện Kiến Thụy.

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 1997/QĐ-UBND quận Dương Kinh ngày 31/12/2021 Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 1611/QĐ-UBND quận Dương Kinh ngày 01/08/2023; Số: 2359/QĐ-UBND quận Dương Kinh ngày 08/08/2023.

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thư điện tử: **thanhdunghaiphong.edu.vn**

Trang web **thanhdunghaiphong.edu.vn**

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường Tiểu học có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường Tiểu học Anh Dũng, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu:

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN:

- Số lao động được giao: 40, trong đó 37 biên chế, 03 hợp đồng.

- Số lao động hiện có: 34, trong đó 32 biên chế, 02 hợp đồng (nghỉ thai sản: 02 đ/c). Thiếu 05 GV.

- Đảng viên: 30 đ/c, đạt 8,2 % số cán bộ giáo viên nhân viên.

Cụ thể:

Nội dung	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn		Trình độ chính trị		Tiếng Anh		Tin học cơ bản	Quản lý giáo dục	Quản lý cấp phòng
			ĐH	CD	Trung cấp	Sơ cấp	Đại học	B			
BGH	3	0	3		3	0		3	3	3	2
GV	31	1	31	1	0	24	3	29	32		1
TPT Đội	1		1		0	1	1		1		
Nhân viên	2		2		0	2		2	2		
Tổng	37	1	37	1	3	27	4	34	38	3	3

- Được giao: 37 biên chế và 03 hợp đồng (02 giáo viên và 01 nhân viên)

- Thực hiện: 37 biên chế và 01 hợp đồng

- Trình độ đào tạo giáo viên đạt chuẩn: 37/38 đạt 97,4% (01 đ/c GV Âm nhạc có trình độ Cao đẳng đang tham gia học Đại học).

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, tâm huyết với học sinh, nhiệt tình, có trách nhiệm, lực lượng giáo viên trẻ đông, luôn năng động đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ năm học.

- Cán bộ quản lý nhà trường công tác lâu năm có nhiều kinh nghiệm, biết tranh thủ sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp và tập hợp được các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Diện tích đất: 4268 m² chưa được cấp quyền sử dụng đất (diện tích đất chưa đảm bảo 8 m²/hs); có đủ công trình vệ sinh riêng nam - nữ cho giáo viên và học sinh. Có nguồn nước sạch để sinh hoạt.

- Khối phòng học tập: Đảm bảo đủ 1 phòng học/1 lớp (trong đó: 16 phòng kiên cố, 04 phòng học tạm). Có 01 phòng Tin học; thiếu nhiều phòng học bộ môn (phòng học môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Khoa học, Ngoại ngữ, phòng đa chức năng).

- Thiếu khối phụ trợ: Phòng Y tế, phòng công Đoàn,...

- Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 3 phòng Đội thiếu niên; phòng Thư viện (tạm); phòng thiết bị giáo dục (tạm). Thiếu: Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật; phòng truyền thống,

- Khối phòng hành chính quản trị: Phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Văn phòng, Phòng bảo vệ.

- Khối phụ trợ: gồm Phòng họp, Phòng Y tế, Nhà kho, Khu để xe học sinh, Khu vệ sinh học sinh...

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động, Thiếu: Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	20	
2	Phòng vi tính	1	
3	Phòng đồ dùng	0	
4	Phòng thư viện	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	0	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	0	
10	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0	
11	Phòng Ban giám hiệu	2	
12	Phòng Hội trường	1	
13	Phòng Y tế	0	
14	Phòng Đoàn đội	0	
17	Phòng Công đoàn	0	
18	Phòng Bảo vệ	1	
19	Nhà đa năng	0	
20	Sân thể thao	0	
21	Tổng diện tích đất	4268m ²	
22	Nhà xe giáo viên và học sinh	2	
23	Số máy vi tính	45	

24	Sô máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên	5	
25	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	40	
26	Camera	02	
27	Thiết bị dạy và học cho K1,2,3,4,5	20	
28	Sách giáo khoa 1,2,3,4,5/khôi	3	
29	Sách tham khảo	Đủ dùng	
30	Internet	VNPT	

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Phòng vi tính 20 chiếc; Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 45 chiếc Đảm bảo đủ điều kiện học tập.

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối 1,2,3,4,5 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với bộ sách Kết nối tri thức.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và báo cáo hàng năm, tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Bao gồm: 5 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong một chu kỳ kiểm định chất lượng do Bộ GD & ĐT quy định; phạm vi thời gian được đánh giá là một khoá học từ năm 2022 - 2027.

- Thời gian tiến hành TĐG: từ 15 tháng 10 năm 2022 đến 30 tháng 5 năm 2027.

- Đánh giá theo các mức:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 17/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 89,47%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 02/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 10,53%.

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ: Chưa đạt.

V. KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả chất lượng giáo dục học sinh lớp 1,2,3,4: Đánh giá theo Thông tư 27/20: 564/567 hs có kết quả đánh giá (03 HS học hòa nhập)

Số học sinh	KĐ G	Được ĐG	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
567	3	564	310	55 %	49	88,%	202	35,%	3	0,5 %

*. Kết quả về năng lực

Năng lực cốt lõi		Số học sinh	KĐ G	Được ĐG	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
					Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	S L	Tỷ lệ
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	567	3	564	467	82,8 %	96	17,0%	1	0,2%
	Giao tiếp và hợp tác	567	3	564	464	82,3 %	99	17,6%	1	0,2%
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	567	3	564	417	73,9 %	146	25,9%	1	0,2%
Năng lực	Ngôn ngữ	567	3	564	458	81,2 %	104	18,4%	2	0,4%

đặc thù	Tính toán	567	3	564	44 8	79,4 %	115	20,4%	1	0,2%
	Khoa học	567	3	564	44 5	78,9 %	118	20,9%	1	0,2%
	Công nghệ	291	1	290	23 6	81,4 %	54	18,6%		0,0%
	Tin học	291	1	290	22 8	78,6 %	62	21,4%		0,0%
	Thẩm mỹ	567	3	564	44 7	79,3 %	117	20,7%		0,0%
	Thể chất	517	3	514	44 9	87,4 %	65	12,6%		0,0%
*. Kết quả về phẩm chất										
Phẩm chất	Yêu nước	567	3	564	548	97%	16	3%		0%
	Nhân ái	567	3	564	547	97%	17	3%		0%
	Chăm chỉ	567	3	564	477	85%	87	15%		0%
	Trung thực	567	3	564	517	92%	47	8%		0%
	Trách nhiệm	567	3	564	478	85%	86	15%		0%

2. Kết quả chất lượng giáo dục học sinh lớp 5: Đánh giá theo Thông tư 22

- Kết quả về học tập

Sĩ số học sinh	KĐG	Được ĐG	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa Hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
171	0	171	127	74,3%	44	25,7%	0	0

* Kết quả về năng lực:

Năng lực	Tổng số HS	KĐ G	Đur ợc ĐG	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tự phục vụ, tự quản	171		171	129	75%	42	25%		
Hợp tác	171		171	122	71%	49	29%		
Tự học và giải quyết vấn đề	171		171	122	71%	49	29%		
* . Kết quả về phẩm chất									
Chăm học, chăm làm	171		171	120	70%	51	30%		
Tự tin, trách nhiệm	171		171	120	70%	51	30%		
Trung thực, kỷ luật	171		171	150	88%	21	12%		
Đoàn kết, yêu thương	171		171	160	94%	11	6%		

*** Kết quả học sinh đạt danh hiệu:**

- Học sinh Xuất sắc: **405/735 em đạt 55%**
- Học sinh Tiêu biểu/có thành tích vượt trội/tiến bộ vượt bậc: **59 em đạt 8%.**
- Học sinh có thành tích được khen thưởng đột xuất: **16 em đạt 2,1%**
- Học sinh đạt danh hiệu Cháu ngoan Bác Hồ: **637 em = 86,6 %**

3.4. Kết quả giáo dục học sinh đại trà cuối năm học:

- Học sinh được công nhận HTCT tiểu học: **171/171 đạt tỉ lệ: 100%**
- Học sinh hoàn thành lớp học: **732/735 em đạt tỷ lệ: 99,6%**
- Học sinh rèn luyện trong hè: **03 em chiếm tỷ lệ: 0,4%.**

Học sinh có kĩ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hoá, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí; loại hoạt động.

b) Các khoản chi phân theo: chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...);

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...);

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Báo cáo quyết toán kinh phí năm học 2023-2024:

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ (%)
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ	Đơn vị tính: đồng	
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Học phí (nếu có)		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)		
	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>		
2.1	Quản lý ngoài giờ chính khóa	1.228.400.000	100
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.1.2	Mức thu 10.000/tiết		
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.228.400.000	100

2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.228.400.000	100
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	1.228.400.000	100
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó:	921.300.000	
	- Chi giáo viên giảng dạy		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	184.260.000	
	- Chi GV khác	98.272.000	
	- Chi nộp thuế 2%	24.568.000	
2.1.7	Số dư cuối năm		
2.2	Nước uống	64.660.000	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.2.2	Mức thu 10.000đ/tháng		
2.2.3	Tổng số thu trong năm		
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	64.660.000	100
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (4)	64.660.000	100
2.2.6	Số chi trong năm		100
	Trong đó:	64.660.000	100
	- Chi mua nước		
2.2.7	Số dư cuối năm		
2.3	Tiếng Anh với GV người nước ngoài	920.320.000	100
2.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.3.2	Mức thu :40.000/tiết		
2.3.3	Tổng số thu trong năm	920.320.000	100
2.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	920.320.000	100
2.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	920.320.000	100
2.3.6	Số chi trong năm		

	Trong đó: - Chi trung tâm 85%	782.272.000	
	Chi Quản lý, chỉ đạo, CSVC khác	135.088.000	
	- Chi thuế	2.760.000	
2.3.7	Số dư cuối năm	0	
2.4	Kỹ năng sống	276.216.000	100
2.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	100
2.4.2	Mức thu :12.000/tiết		100
2.4.3	Tổng số thu trong năm	276.216.000	100
2.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	276.216.000	100
2.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	276.216.000	100
2.4.6	Số chi trong năm	276.216.000	100
	Trong đó: - Chi trung tâm 80%	220.972.800	
	Chi Quản lý, chỉ đạo, CSVC khác	54.138.400	
	- Chi thuế	1.104.800	
2.4.7	Số dư cuối năm	0	
2.5	Chăm sóc bán trú	271.110.000	100
2.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	100
2.5.2	Mức thu :120.000/tháng		100
2.5.3	Tổng số thu trong năm	271.110.000	100
2.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	271.110.000	100
2.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽⁵⁾	271.110.000	100
2.5.6	Số chi trong năm	271.110.000	100
	Trong đó:	265.687.800	

	- Chi công tác quản lý và người lao động		
	- Chi thuế	5.0422.200	
2.5.7	Số dư cuối năm	0	
2.6	Hỗ trợ CSVC bán trú	57.030.000	100
2.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	100
2.6.2	Mức thu :120.000/tháng		100
2.6.3	Tổng số thu trong năm	57.030.000	100
2.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	57.030.000	100
2.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	57.030.000	100
2.6.6	Số chi trong năm	57.030.000	100
	Trong đó: - Chi mua sắm CSVC bán trú, ...	57.030.000	100
2.6.7	Số dư cuối năm	0	
2.7	Học 2 buổi/ngày	193.440.000	100
2.7.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.7.2	Mức thu :30.000/tháng		
2.7.3	Tổng số thu trong năm	193.440.000	100
2.7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	193.440.000	100
2.7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	193.440.000	100
2.7.6	Số chi trong năm	193.440.000	100
	Trong đó: - Chi hỗ trợ sửa chữa CSVC, điện ,nước.....	193.440.000	100
2.7.7	Số dư cuối năm	0	
2.8	Trông xe đạp học sinh	60.180.000	
2.8.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	

2.8.2	Mức thu :30.000/tháng		
2.8.3	Tổng số thu trong năm	60.180.000	
2.8.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	60.180.000	
2.8.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	60.180.000	
2.8.6	Số chi trong năm	60.180.000	
	Trong đó: - Chi hỗ trợ sửa chữa CSVC nhà xe : 12.036.000 - Chi người trực tiếp coi xe : 42.126.000 - Chi 10% thuế..... 6.180.000		
2.7.7	Số dư cuối năm	0	
2.9	Vòng tay bè bạn	25.130.000	100
2.9.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	
2.9.2	Mức thu :35.000/năm		
2.9.3	Tổng số thu trong năm	25.130.000	100
2.9.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	25.130.000	100
2.9.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (5)	25.130.000	100
2.9.6	Số chi trong năm	25.130.000	100
	Trong đó: - Chi nộp cấp trên : 6.265.000 - Chi công tác đội : 18.865.000		
2.9.7	Số dư cuối năm	0	
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH		
	Thời gian từ 01/01/2024- 30/06/2024		
TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Ngân sách nhà nước	5.434.610.000	

1.1	Ngân sách chi thường xuyên	5.223.360.000	
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm		
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	5.223.360.000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm		
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	Dự toán được giao trong năm	211.250.000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm		
	+ Dự toán bổ sung trong năm	211.250.000	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm		
	- Kinh phí quyết toán		
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng		
	vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán,	0	

	thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách	0	
	Tổng số kinh phí còn phải nộp	0	
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
III	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG		
1	Mức thu nhập của CBQL		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	16.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	14.000.000	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)		
2	Mức thu nhập của giáo viên		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	14.000.000	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	5.000.000	

3. Thực hiện kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho học sinh:

100% các lớp học thực hiện nghiêm túc các giờ học ngoài giờ lên lớp, các đ/c giáo viên chủ nhiệm đều có đủ kế hoạch giảng dạy - đổi mới phương pháp dạy học thông qua các hoạt động ngoại khoá, tập thể làm cho học sinh hào hứng tham gia đạt hiệu quả cao.

Công tác tổ chức từ thiện nhân đạo được quan tâm qua đó giáo dục được các em tinh thần “*Tương thân, tương ái*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”. Thực hiện chương trình thấp sáng ước mơ cho em, hỗ trợ HS nghèo vượt khó vươn lên trong học tập. Phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể tặng quà cho các em học sinh không may gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho học sinh nhân dịp khai giảng năm học mới, nhân dịp Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán, ủng hộ các bạn học sinh khó khăn, gia đình chính sách của địa phương; học sinh nghèo vượt khó.

Triển khai đến các GVCN việc quán triệt tuyên truyền cho HS trong các giờ HĐNGLL các nội dung thiết thực bổ ích như chống xâm hại và bạo lực học

đường, phòng chống tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu đặc biệt phòng chống tai nạn giao thông, đuối nước, thông qua đó tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ cho GV và HS.

Công tác y tế học đường: Thực hiện luật BHYT, nhà trường đã tích cực tuyên truyền vận động học sinh tham gia BH mức đóng theo qui định của nhà nước. Công tác phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh được chú ý quan tâm, đặc biệt việc vệ sinh cá nhân thân thể HS được nhà trường và các thầy cô nhắc nhở thường xuyên, làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh trong thời gian vừa qua.

2. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên:

Trong năm học qua vừa qua, nhà trường đã luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng đội ngũ, BD tư tưởng nhận thức, bồi dưỡng lòng yêu nghề, và tinh thần khắc phục khó khăn, trách nhiệm trước công việc được giao cho giáo viên; Tích cực động viên, cử chọn và tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ, chú trọng việc xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng định kỳ và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên. Tham gia lớp bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán thông qua các đợt tập huấn, các chuyên đề chuyên môn.

Triển khai nghiêm túc chương trình Thời khóa biểu. Đặc biệt là các công văn chỉ đạo chuyên môn, phân phối chương trình, chỉ thị, nhiệm vụ năm học. Các nội dung kế hoạch được xây dựng dân chủ trong toàn cơ quan, được cụ thể hoá và công khai nên tạo được sự chủ động cho quản lý và giáo viên thực hiện.

Chú trọng tập trung chỉ đạo tốt hoạt động bồi dưỡng giáo viên tại chỗ thông qua việc triển khai hoạt động chuyên môn từ cấp tổ, khối, đa dạng hóa nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn. Tích cực tổ chức chuyên đề cấp quận với nội dung chuyên đề trọng tâm, thiết thực, hiệu quả. Tích cực tham gia giao lưu Giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp.

Đối với chuyên môn cấp trường: bộ phận chuyên môn tổ chức sinh hoạt đều đặn, đúng quy định; mỗi tuần có kế hoạch và tổng kết những công việc dạy học cần làm; báo cáo, phổ biến những nội dung, công văn, thông tư cấp trên gửi về; giải quyết những vướng mắc của các tổ chuyên môn đề xuất. Tham gia giao lưu chuyên môn do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức và triển khai đến 100% giáo viên nhà trường. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chương trình, thời khóa biểu và việc vận dụng, đổi mới phương pháp dạy học. Phân công giáo

viên soạn bài, xây dựng kế hoạch bài giảng để dạy minh họa các tiết chuyên đề. Ban Giám hiệu và tổ trưởng tổ chuyên môn tăng cường dự giờ thăm lớp để góp ý xây dựng giúp giáo viên nắm vững chuyên môn giảng dạy tốt hơn.

Đối với sinh hoạt tổ chuyên môn: Các tổ chuyên môn hoạt động tích cực. Thường xuyên tổ chức sinh hoạt ở tổ, mỗi tháng sinh hoạt từ 1-2 lần trở lên, nội dung tập trung vào công tác giảng dạy, trao đổi kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu bài học bằng biện pháp nâng cao chất lượng dạy học, đánh giá học sinh theo Thông tư 22/2016; Thông tư 27/2020. Vận dụng, đổi mới các phương pháp, hình thức dạy học như: Dạy học lớp 1,2,3,4 theo chương trình GDPT 2018; nghiên cứu nội dung, chương trình lớp 5 theo CTGDPT 2018, chủ động xây dựng kế hoạch môn học theo các công văn chỉ đạo của Bộ GD&ĐT (CV 3799. 2345).

Hình thức sinh hoạt chuyên môn: Sinh hoạt chuyên môn trực tiếp, trực tuyến, theo nhóm, tổ, trường qua dự giờ, thảo luận, internet: 02 chuyên đề cấp Quận; 09 chuyên đề cấp Trường: 41 chuyên đề cấp tổ/khối. Tổ chức nghiên cứu CTGDPT 2018 lớp 1, 2, 3, 4, 5; nghiên cứu lựa chọn sách giáo khoa lớp 1,2,3,4,5; tham gia tập huấn sử dụng sách giáo khoa (trực tiếp, trực tuyến). Thực hiện có hiệu quả việc dạy học theo chương trình GDPT 2018 và định hướng tiếp cận, phát huy năng lực, tính tích cực của HS.

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, áp dụng các phương pháp hình thức dạy học tích cực vào giảng dạy. Sử dụng triệt để đồ dùng dạy học hiện có, khai thác ứng dụng CNTT, các phần mềm vào dạy học như sách mềm, phần mềm tương tác dạy học quizziz; phần mềm quản lý học sinh classDojo; hướng dẫn học sinh biết sử dụng và khai thác các kênh hình trong sách giáo khoa, khai thác tư liệu trên internet để tự học. Sinh hoạt chuyên môn tập trung rút kinh nghiệm trong việc sử dụng các thiết bị, đồ dùng dạy học, nêu những vướng mắc, khó khăn trong quá trình sử dụng để kịp thời điều chỉnh. Điểm mới trong quá trình quản lý chuyên môn là xây dựng kế hoạch gắn với khoán chất lượng bộ môn, khảo sát chất lượng thường xuyên, đột xuất, kèm theo đó là cơ chế khen thưởng và thụ hưởng kinh phí làm cho tính công bằng tăng lên rõ rệt khuyến khích người lao động tích cực sáng tạo và giúp cho việc phân loại giáo viên, tổ chức thi đua thuận lợi.

Nhà trường luôn chú trọng và tăng cường tổ chức thực hiện tốt các phong trào bề nổi thông qua đó giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh như tổ chức tốt

ngày hội khai giảng năm học mới, tổ chức liên hoan văn nghệ chào mừng ngày 20-11, tham gia Đại hội TDTT của phường...., tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động tuyên truyền giáo dục về lịch sử, văn hoá truyền thống cách mạng của dân tộc, địa phương, tham gia cuộc thi vẽ tranh, thi an toàn giao thông, thi Việt dã, Cờ vua, Sơn ca.. Tổ chức 02 Chuyên đề Đội cấp Quận “Chúng em làm Kế hoạch nhỏ” hưởng ứng kỉ niệm 65 năm phong trào Kế hoạch nhỏ (2/12/1958 - 2/12/2023) và "Hành trình về địa chỉ đỏ - Tìm hiểu di tích Bạch Đằng Giang"; 2 Chuyên đề Đội cấp Thành phố: Chủ đề " Văn hóa truyền thống – Tết cổ truyền" và "Ngày hội sách - Hướng về Điện Biên"; thực hiện các chuyên đề “Kĩ năng: Phòng chống tai nạn thương tích - Phòng cháy chữa cháy” được Quận đoàn xếp loại xuất sắc.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh công tác truyền thông về GDTHCS

Toàn trường đã có ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị dạy học trong đổi mới dạy học và đổi mới công tác quản lý một cách triệt để, các lớp được trang bị các trang thiết bị phù hợp để ứng dụng CNTT hiệu quả, nhiều cá nhân GV đã tự sắm máy tính cá nhân để nâng cao trình độ Tin học, nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Hiện nay theo sự chỉ đạo, triển khai của các cấp, trong nhà trường đã sử dụng rất nhiều các phần mềm ứng dụng, các trang, bảng tính phù hợp để phục vụ công tác dạy học, thống kê, quản lý chung...như phần mềm phổ cập, QLHSCM; phần mềm CSDL ngành, phần mềm tuyển sinh, chữ ký số, số hoá các văn bản tài liệu...v.v.

100% các CBGV đã ký số các tài liệu lưu trữ như KH giáo dục, KH bài dạy, học bạ điện tử, tương tự với BGH có thêm đóng dấu điện tử.

Qua việc ứng dụng của GV, của các bộ phận quản lý phần việc cũng như các tài liệu được xử lý nhanh hơn, gọn hơn, các hồ sơ lưu trữ đẹp và chính xác.

5. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua.

Công tác thi đua khen thưởng được quan tâm và thực hiện đều đặn đảm bảo đúng quy định có tác dụng thúc đẩy tốt.

Năm học 2023 - 2024 công đoàn đã triển khai hướng dẫn và tổ chức cho giáo viên, học sinh đăng ký và thực hiện các phong trào thi đua một cách thường

xuyên tích cực và hiệu quả.

Hội đồng thi đua đã họp xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận danh hiệu thi đua cấp trường:

- Công nhận cho 14 tập thể lớp đạt danh hiệu tập thể xuất sắc gồm các lớp: 4B, 4C, 4D, 5A, 4D, 4A, 3C, 2D, 3B, 2C, 1A, 5C, 1C. 5D. Công nhận 6 tập thể lớp đạt danh hiệu lớp tiên tiến bao gồm: 3D, 2B, 1D, 1B, 2A, 3A, 5B.

Hội đồng thi đua đã họp xét và đề nghị Hiệu trưởng công nhận các danh hiệu thi đua cấp trường. Hội đồng thi đua khen thưởng cấp quận công nhận:

* Tập thể:

- Nhà trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

* Cá nhân:

- Đề nghị 04 đ/c được công nhận là CSTĐ cơ sở; 01 được tặng giấy khen của chủ tịch UBND quận.

- 32 đ/c được đề nghị công nhận lao động tiên tiến.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2023-2024 thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Tiểu học Anh Dũng./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Webside nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thanh

